

Bản án số: 25/2022/HS-ST

Ngày: 23-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà GiAg Thị Vượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phượng

Bà Vũ Thị Huyền

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lực -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Xuân Hoà; ông Vũ Đ Hoà Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số 19/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30 /2022/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: Pha Văn K; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1994 tại huyện P, Lai Châu;

- Nơi ĐKHKTT: Bản Mỏ xã Nậm Xe. huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Pha Văn Páo, sinh năm 1957; Con bà L Thị Dén, sinh năm 1977; Vợ: Quàng Thị Hồng, sinh năm 1990; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 23/4/2021, hiện đAg tạm giam tại trại tạm giam công A tỉnh Lai Châu (Có mặt)

2- Họ và tên: Ma A S Tên gọi khác: Không; sinh năm 1984 tại huyện P, Lai Châu;

- Nơi ĐKHKTT: Bản S xã M huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ ; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Ma A Sùng, sinh năm 1953; Con bà Sùng Thị Mẩy, sinh năm 1954; Vợ: Hằng Thị Tàu, sinh năm 1996; Con: có 04 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 01/8/2012, Ma A S bị TAD Tỉnh Điện Biên xử phạt 07 năm tù về tội: “Mua bán người” Hiện đã được xoá án tích

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 02/8/2021, hiện đAg tạm giam tại trại tạm giam công A tỉnh Lai Châu (Có mặt)

3-Họ và tên: CỨ A T; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1993 tại huyện P, Lai Châu;

- Nơi ĐKKHKT: Bản S, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch Việt Nam; Con ông CỨ A Sùng, Sinh năm 1971; Con bà Ma Thị Phua, Sinh năm 1980; Vợ: HỒ Thị Dung, sinh năm 1998; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 02/8/2021, hiện đAg tạm giam tại trại tạm giam công A tỉnh Lai Châu (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Ma A S, CỨ A T: ông Lê Mạnh Hùng – trợ giúp viên pháp L Trung tâm trợ giúp pháp L NH nước tỉnh Lai Châu (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quA:

1. Lương Văn K, sinh năm 1980

Trú quán: X, huyện T tỉnh Nghệ A (Vắng mặt)

2. Nguyễn Thị L sinh năm 1995

Trú quán: Tổ 4, khu Đông Sơn, phường Cẩm Sơn, huyện Cẩm Phả, Quảng Ninh (Vắng mặt)

3. Hồ Thị Lương, sinh năm 1996

Trú quán: Thôn B, xã T, huyện Quảng Xương tỉnh T Hoá (Vắng mặt)

4. Nguyễn Văn H, sinh năm 1986

Trú tại: Xóm 4 xã Hiệp thuận huyện Phúc Thọ, H nội (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1- Nông Văn B, sinh năm 1990; Nơi cư trú thôn Phai Sào, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn (Vắng mặt)

2- Lương Văn N, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Bản Lở xã X, huyện T tỉnh Nghệ A (Vắng mặt)

3 - Lương Văn N, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Bản Lở, xã X, huyện T tỉnh Nghệ A (Vắng mặt)

4 - Lương Thị T, sinh năm 1980; Nơi cư trú X, huyện T tỉnh Nghệ A (Vắng mặt)

5 - Lương Thị H, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Bản Lở xã X, huyện T tỉnh Nghệ A (Vắng mặt)

6- Vũ Thị H, sinh năm 1987 Nơi cư trú: đội 1 xóm Nam Sơn, xã Tam Hợp huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ A (Vắng mặt)

7- Bùi Văn B, sinh năm 1982 Nơi cư trú: thôn B Hoà, xã Cẩm B huyện Cẩm Thủy, tỉnh T Hoá (Vắng mặt)

8- Hoàng Tiến Đ, sinh năm 1990 Nơi cư trú: Thôn Góc Quân xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt)

9- Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 Nơi cư trú: Thôn Gốc Quân xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; (Vắng mặt)

10- Trần Văn V, sinh năm 1995 Nơi Cư trú: Xóm Vĩnh Phú, xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (Vắng mặt)

11- Nguyễn Duy T, sinh năm 1990 Nơi cư trú; Khối Toàn cầu, phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh H Tĩnh (Vắng mặt)

12- Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 Nơi cư trú; phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh H Tĩnh (Vắng mặt)

13- Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; Nơi cư trú: thôn Ngàn Ván xã A Dương huyện Tân Yên, tỉnh Bắc GiAg(Vắng mặt)

14- Nguyễn Thị A, sinh năm 1993; Nơi cư trú: thôn Tát Khâu, xã Phú Nam huyện Bắc Mê tỉnh H GiAg (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về Hình vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22/4/2021, Phòng cảnh sát hình sự Công A tỉnh Lai Châu nhận được tin B của quần chúng nhân dân về việc thấy 04 xe taxi chở theo nhiều người đi từ tHnh phố Lai Châu mục đích đến khu vực biên giới thuộc xã Ma Li Pho, huyện Pnghi vắn vượt biên trái phép sAg Trung Quốc. Đến khoảng 20 giờ 15 cùng ngày, tại bản Tả Phìn, xã Ma Li Pho, P, Lai Châu tổ công tác Phòng hình sự, phối hợp với Đồn Biên phòng cửa khẩu Ma Lù THng phát hiện 01 người đàn ông, qua kiểm tra người đàn ông đó khai tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1986 trú tại cụm 4, xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, tHnh phố H Nội L do có mặt ở khu vực biên giới là để tìm cách vượt biên trái phép sAg Trung Quốc, H được 01 người đàn ông có số điện thoại 0365091592 gọi điện liên lạc, thuê xe ôm cho H đến khu vực biên giới và thu của H số tiền 900 NDT để xuất cảnh trái phép sAg Trung Quốc. Tổ công tác tiếp tục triển khai lực lượng đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày tại khu vực ngã ba Mường So, thuộc bản Nậm Cung, Xã Mường So, huyện Ptt công tác phát hiện 04 lái xe điều khiển 04 chiếc xe taxi gồm: Nguyễn Nc Quyết, sinh năm 1992 trú tại Pa Nậm Cúm, Ma Li Pho, P, Lai Châu; Lò Văn Tuân, sinh năm 1993 trú tại tổ 25, Phường Đông Phong, tHnh phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu; Lò Văn Hưng, sinh năm 1990 trú tại tổ dân phố Hòa B, thị trấn P, P, Lai Châu; Trần Văn Tú, sinh năm 1991, trú tại: Tổ dân phố Hữu Nghị, thị trấn P, P, Lai Châu) trở theo 17 người gồm: (1) Vũ Thị Hòe, sinh năm 1978, trú tại đội 1, xóm Nam Sơn, Tam Hợp, Quỳnh Hợp, Nghệ A; (2) Nguyễn Thị L, sinh năm 1995, trú tại tổ 4, khu Đông Sơn, phường Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh; (3) Nông Văn B, sinh năm 1990, trú tại Thôn Phai Sào, Tri Phương, Trảng Định, Lạng Sơn; (4) Nguyễn Thị N, sinh năm 1989, trú tại thôn Ngàn Ván, xã A Dương, Tân Yên, Bắc GiAg; (5) Nguyễn Thị T, sinh năm 1995, trú tại Thôn Gốc Quân, xã Đông Công, Văn Yên, Yên Bái;

(6) Hoàng Tiên Đ, sinh năm 1990 trú tại Thôn Góc Quân, xã Đông Công, Văn Yên, Yên Bái; (7) Lương Văn N, sinh năm 2002, Bản Lở, xã X, T, Nghệ A; (8) Lương Văn N, sinh năm 1981, trú tại Bản Lở, xã X, T, Nghệ A; (9) Nguyễn Thị A, sinh năm 1993, trú tại Phú Nam, Bắc Mê, H GiAg; (10) Lương Thị T, sinh năm 1980, trú tại xã X, T, Nghệ A; (11) Lương Thị H, sinh năm 1981, trú tại Bản Lở, xã X, T, Nghệ A; (12) Lương Văn K, sinh năm 1980, trú tại Bản Lở, xã X, T, Nghệ A; (13) Nguyễn Duy T, sinh năm 1990, trú tại Khối Toàn Cầu, phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, H Tĩnh; (14) Hồ Thị Lương, sinh năm 1996, trú tại Thôn B, T, Quảng Xương, T Hóa; (15) Bùi Văn B, sinh năm 1982, trú tại Thôn 1, B Hòa, xã Cẩm B, huyện Cẩm Thủy, T Hóa; (16) Trần Văn V, sinh năm 1995, trú tại Xóm V Phú, xã Nghĩa Lợi, Nghĩa Hưng, Nam Định; (17) Nguyễn Thị Thùy GiAg, sinh năm 1993, trú tại Phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, H Tĩnh) và PhA Văn K, sinh năm 1994 trú tại bản Mỏ, xã Nậm Xe, huyện P, tỉnh Lai Châu đAg đứng chờ 4 xe taxi trên, tổ công tác đã đưa K cùng tất cả những người liên quA về trụ sở Công A huyện P để làm việc.

Tại cơ quA điều tra PhA Văn K khai nhận:

Khoảng đầu tháng 4 năm 2021 thông qua mạng xã hội zalo, nick zalo “Bạch công tử nH xe” giới thiệu tên là Hoàng Văn Hoán, nick zalo “PhA Ah” giới thiệu tên Vàng Văn Đoa cùng trú tại bản Mỏ, xã Nậm Xe huyện P tỉnh Lai Châu nhắn tin, gọi tin nhắn thoại để làm quen với K, Đoa đặt vấn đề muốn K đón đưa và chỉ đường cho người vượt biên sAg Trung Quốc để làm thuê cùng Đoa và Hoán, tiền công đưa người sAg Trung Quốc là 800.NDT/01 người, K đồng ý. Sau đó, tại xã Mường So huyện P, tỉnh Lai Châu, Khai gặp Ma A S, Cú A T, K đặt vấn đề với S muốn đưa người vượt biên sAg Trung Quốc làm thuê, S đồng ý, lúc này Cú A T ở cạnh đó cũng nghe được nội dung nói chuyện của K và S. S cho K số điện thoại 0387.752.907 để khai liên lạc và K bạn Zalo, T cho K số điện thoại 0834872745. Trong khoảng thời giA từ ngày 16/4/2021 đến ngày 22/4/2021, K đã 02 lần tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, cụ thể:

Lần thứ nhất: Sáng ngày 16/4/2021, Hoán dùng tài khoản zalo “Bạch công tử nH xe” gọi điện cho K, thông B cho K biết có khách vượt biên, số người vượt biên sẽ thông B sau, K đồng ý. Khoảng 09 giờ cùng ngày, K dùng số điện thoại 0353.495.778 và zalo gọi điện vào số điện thoại 0387.752.907 và zalo của Ma A S thông B cho S biết, hôm nay có khách vượt biên sAg Trung Quốc số người cụ thể sẽ thông B cho S sau. Đến khoảng 10 giờ, Hoán gọi điện zalo cho K thông B cho 15 người đAg ở bến xe tHnh phố Lai Châu muốn vượt biên sAg Trung Quốc và gửi cho K 02 số điện thoại 0342.862.213 và 0364.554.231 để K liên hệ. Nói chuyện với Hoán xong, K dùng số điện thoại 0353.459.778 gọi vào 2 số điện thoại Hoán cho để hướng dẫn người vượt biên bắt xe đến Ngã Ba Mường So, huyện P tỉnh Lai Châu, sau đó bắt xe đi bản Tả Phìn, xã Ma Li Pho,

huyện P tỉnh Lai Châu. Khoảng 11 giờ cùng ngày K gọi điện thoại thông B có 15 người muốn vượt biên sAg Trung Quốc và gửi số điện thoại 0342.862.213 của người vượt biên vào zalo cho S, tiền công đưa 01 người sAg Trung Quốc là 400 NDT. Hồi 12 giờ 42 phút cùng ngày, S dùng số điện thoại 0387.752.907 để gọi vào số điện thoại 0342.862.213 của người vượt biên và hướng dẫn họ đi tiếp đến bản Tà Tê, xã M, huyện P tỉnh Lai Châu.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, S gọi điện cho T thông B cho T biết K đưa người vượt biên đến bản Tả Phìn, xã Ma Li Pho gần đến ngã ba bản Tà Tê, xã Ma Li Pho gặp và đón 10 người, đưa họ đi theo đường bê tông bản CA Chu Dao, xã M về hướng bản Sàng SAg, mã M được khoảng 2 km thì dừng lại. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, K gọi điện cho S biết S và T đón được 10 người, sau đó K nhắn tin vào zalo cho S số điện thoại 0364.554.231 để liên lạc đón 05 người còn lại. S bảo T quay lại ngã ba bản Tà Tê để đón 05 người còn lại. T quay lại ngã ba bản Tà Tê đón được 05 người và hướng dẫn đường đưa họ đến chỗ S cùng 10 người đAg đứng đợi. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, S gọi điện cho K thông B đã đón được 15 người, K bảo S đưa họ đi thôi, S đồng ý và dẫn 15 người đi về hướng bản Sàng SAg, xã M. Khoảng 22 giờ cùng ngày, S và T đưa 15 người đến khu vực biên giới Việt Nam- Trung Quốc, lội qua suối vượt biên sAg Trung Quốc và bàn giao cho 02 người đàn ông dân tộc Mông(không rõ họ tên địa chỉ). Sau khi bàn giao người S và T lội suối để về Việt Nam S gọi điện thoại cho K để K T toán tiền công đưa người sAg Trung Quốc và cho K số tài khoản ngân Hng Vietcombank 0551000326760 của Cứ A T, K đồng ý. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng Hoán gọi điện cho K thông B cho K biết 15 người đã Trung Quốc, chuyển 43.400.000 vào tài khoản ngân Hng Agribank 7802205032948 của K. Khi nhận được tiền K khoản K cho S 19.500.000 đồng tiền đã đưa người sAg Trung Quốc. Sau đó, khoảng một tuần T ra Ngân Hng rút 19.500.000 đồng T và S thỏa thuận mỗi người một nửa, T đưa cho S 9.750.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng hơn 7 giờ ngày 22/4/2021, Vàng Văn ĐoA dùng tài khoản zalo “PhA Ah” gọi cho K thông B, trưa cùng ngày có người vượt biên đi Trung Quốc, ĐoA yêu cầu K gửi số điện thoại của K để ĐoA gửi cho người lái xe taxi, K đồng ý và gửi cho ĐoA số điện thoại 0365.091.592 đến khoảng hơn 8 giờ cùng ngày, qua mạng xã hội Wechat một người phụ nữ giới thiệu tên là Mai gọi điện cho Nguyễn Nc Quyết, sinh năm 1992, trú tại xã Ma Li Pho, huyện P, tỉnh Lai Châu làm nghề lái xe taxi bảo Quyết đi đón người và cho Quyết số điện thoại 0365.091.592 của K. Hồi 08 giờ 40 phút cùng ngày Quyết dùng số điện thoại 0961.460.870 của mình gọi vào số điện thoại của K, được K thông B hôm nay có người đi taxi bao giờ đi sẽ gọi thông B cho Quyết, Quyết đồng ý.

Hồi 08 giờ 47 phút cùng ngày, DoA gọi zalo cho K bảo K nói với người vượt biên K là người cầm đầu, K đồng ý. Hồi 09 giờ 22 phút cùng ngày DoA nhắn tin Zalo cho K số điện thoại 0937.737.739 của Nguyễn Văn H sinh năm 1986, trú tại cụm 4 xóm 4, xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, tHnh phố H Nội. Khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày, K gọi điện cho H biết H đAg ở nH nghỉ Bích Lợi ở xã Mường So, huyện P, K bảo H ở đó khi nào đi sẽ thông B, H đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày, DoA nhắn tin zalo gửi cho K số điện thoại 0369.586.743 của Lương Văn K, sinh năm 1984 trú tại X, huyện T, tỉnh Nghệ A để liên hệ với tốp 05 người vượt biên, số điện thoại 0966.531.937 của Hồ Thị Lương, sinh năm 1996Nơi cư trú: Xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh T Hoá để liên hệ với tốp 12 người vượt biên dặn họ 15 giờ cùng ngày từ tHnh phố đi ngã ba Mường So. K gọi điện cho K và Lương biết K và Lương đAg ở bến xe khách tỉnh Lai Châu, K dặn K và Lương bao giờ đi sẽ thông B, K và Lương đồng ý.

Hồi 17 giờ 49 phút cùng ngày, DoA gọi Zalo cho K bảo K thu 900 NDT của H, K đồng ý. Sau đó, K đến gặp H ở nH nghỉ Bích Lợi thu của H 900 NDT. Sau đó K gọi điện cho người lái xe ôm(không rõ họ tên, địa chỉ) để đưa H đi đến bản Tả Phìn, xã Ma Li Pho, huyện Pvà cho người lái xe ôm số điện thoại của H, người lái xe ôm đồng ý. Sau đó, K gọi điện cho Quyết bảo Quyết đi đến bến xe Lai Châu đón 17 người và quay lại ngã ba Mường So để K hướng dẫn địa điểm đưa người đến và thu của mỗi người 300.000 đồng, Quyết thoả thuận với K đi 04 xe để chở 17 người mỗi xe là 1.000.000 đồng, nếu thừa tiền sẽ trả lại cho K, K đồng ý. Nói chuyện với K xong Quyết liên hệ với 03 người lái xe taxi gồm: Lò Văn Hưng, sinh năm 1990 trú tại thị trấn P, huyện P tỉnh Lai Châu. Trần Văn Tú, sinh năm 1991 trú tại Tổ dân phố Hữu Nghị, thị trấn P, huyện P tỉnh Lai Châu. Lò Văn Tuân, sinh năm 1993 trú tại tổ 25 phường Đông Phong, tHnh phố Lai Châu, Thổ tỉnh Lai Châu đến bến xe khách tHnh phố Lai Châu đón người. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Quyết gọi điện B với K đã đón được 17 người, K bảo Quyết chở người đến ngã ba Mường So, Quyết đồng ý. K gọi điện cho tốp 05 người vượt biên thông B chuẩn bị mỗi người 900 NDT để đưa cho K, tốp 05 người này đồng ý. Sau đó, K gọi điện cho A Vàng số điện thoại 0388.102.195 Vàng Văn DoA cho số điện thoại từ trước để thông B cho A Vàng biết chuẩn bị đón người vượt biên ở Tả Phìn, A Vàng đồng ý.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, 04 lái xe taxi đến ngã ba Mường So, huyện P, tỉnh Lai Châu, gặp K, Quyết đưa cho K 1.000.000 đồng tiền thu của 17 người còn thừa, lúc này K bị lực lượng Công A phát hiện đưa K cùng tất cả những người liên quA về trụ sở Công A huyện P để làm việc.

Về các vấn đề khác của vụ án:

- Đối với người phụ nữ sử dụng tài khoản Wechat liên lạc với Nguyễn Nc Quyết và cho Quyết số điện thoại K để hướng dẫn Quyết đón khách đến xã Ma

Li Pho huyện P, tỉnh Lai Châu; người đàn ông gọi điện hướng dẫn Nguyễn Văn H bắt xe lên Lai Châu trốn sAg Trung Quốc làm thuê; người sử dụng tài khoản Zalo “Tình yêu và nước mắt” hướng dẫn Nguyễn Thị L bắt xe đến Lai Châu trốn sAg Trung Quốc làm thuê; Người phụ nữ gọi điện hướng dẫn Nguyễn Thị L bắt xe lên Lai Châu trốn sAg Trung Quốc làm thuê;

Người sử dụng tài khoản Zalo “Nguyễn Nguyễn” hướng dẫn Hoàng Đ Tiến đến Lai Châu để trốn sAg Trung Quốc làm thuê; Người phụ nữ gọi điện hướng dẫn Hồ Thị Lương bắt xe lên Lai Châu trốn sAg Trung Quốc làm thuê; người sử dụng tài khoản facebook “Hùng Đổ” hướng dẫn Trần Văn V đến Lai Châu để trốn sAg Trung Quốc làm thuê. Người sử dụng tài khoản zalo “NH xe Nguyễn Nguyễn” hướng dẫn Nông Văn B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N đến Lai Châu để trốn sAg Trung Quốc làm thuê; người sử dụng tài khoản Wechat “ NH xe Việt Trung” hướng dẫn Lương Văn N để trốn sAg Trung Quốc làm thuê. Do nhân thân lai lịch của những đối tượng trên chưa rõ ràng nên cơ qua điều tra, Viện kiểm sát chưa đủ cơ sở để xác minh.

- Trong quá trình điều tra và tại phiên toà PhA Văn K còn khai nhận ngày 21/4/2021, PhA Văn K cùng với Vàng Văn Hoán tổ chức đưa 17 người trốn sAg Trung Quốc. Ngoài lời khai của K không có chứng cứ nào khác chứng minh. Vì vậy chưa đủ căn cứ để xử L đối với PhA Văn K về lần đưa người trốn sAg Trung Quốc ngày 21/4/2021, khi nào có căn cứ sẽ xử L sau.

Đối với đối tượng Vàng Văn Hoán, sinh năm 1988 trú tại bản Mỏ, xã Nậm Xe, huyện P, tỉnh Lai Châu theo lời khai của PhA Văn K là người cho PhA Văn K số điện thoại của người có nhu cầu trốn sAg Trung Quốc ngày 16/4/2021 và ngày 21/4/2021, trả tiền công cho PhA Văn K để K tổ chức người trốn sAg Trung Quốc. Cơ qua A ninh điều tra đã tiến Hnh triệu tập lấy lời khai, tiến Hnh cho PhA Văn K và Vàng Văn Hoán đối chất. Vàng Văn Hoán không thừa nhận Hnh vi tổ chức người khác trốn đi nước ngoài. K quả điều tra không có căn cứ để xử L đối với Vàng Văn Hoán về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử L sau.

Đối với Vàng Văn DoA, sinh năm 1998 trú tại bản Mỏ, xã Nậm Xe, huyện P, tỉnh Lai Châu theo lời khai của PhA Văn K là người cho PhA Văn K số điện thoại của người có nhu cầu trốn sAg Trung Quốc ngày ngày 22/4/2021 trả tiền công cho PhA Văn K để K tổ chức người trốn sAg Trung Quốc. Cơ qua điều tra đã tiến Hnh triệu Vàng Văn DoA, người nH và chính quyền địa phương cho biết Vàng Văn DoA đAg ở Trung Quốc cùng mẹ. K quả điều tra không có căn cứ để xử L đối với Vàng Văn DoA về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử L sau.

Đối với người có tên A Vàng(do PhA Văn K không rõ họ tên, địa chỉ ở đâu, K chưa từng gặp mặt) sử dụng số điện thoại 0388102.195 là người đàn ông chịu trách nhiệm dẫn người vượt biên trốn sAg Trung Quốc ngày 22/4/2021, K

quả điều tra xác định chủ thuê bao 0388102.195 là Ma A Lơ, sinh năm 1982 trú tại xã Đào SA, huyện P, tỉnh Lai Châu. Ma A Lơ đã chết nên không đủ căn cứ để xác định người đàn ông tên A Vàng trong vụ án.

Đối với người tên Lù sử dụng số điện thoại 0399.934.884 là người chịu trách nhiệm dẫn người vượt biên trốn sAg Trung Quốc ngày 21/4/2021, K quả điều tra xác định chủ thuê bao số điện thoại 0399.934.884 là Hằng Lao Lù, sinh năm 1982 trú tại xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, Hằng Lao Lù khai khoảng tháng 2 năm 2021 làm mất điện thoại số lắp số thuê bao trên và đến tháng 7/2021 mới đi ép lại sim để sử dụng, ngoài lời khai trên không còn chứng cứ nào khác vì vậy không đủ cơ sở để tiến Hnh điều tra làm rõ.

Đối với 15 người đã được các bị cáo PhA Văn K, Ma A S, Cừ A T tổ chức trốn đi Trung Quốc tHnh công vào ngày 16/4/2021, do nhân thân, lai lịch của những người này không rõ ràng nên không thể xác minh làm rõ và xử L theo quy định của pháp luật.

Đối với 18 người được PhA Văn K tổ chức trốn sAg Trung Quốc ngày 22/4/2021, Cơ quA điều tra đã tách cùng hồ sơ vụ án vi phạm quy định về xuất nhập cảnh, Công A huyện P đã xử L bằng hình thức nhắc nhở, giáo dục và không áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm Hnh chính.

Đối với Nguyễn Nc Quyết, sinh năm 1992, trú tại xã Ma Li Pho, huyện P tỉnh Lai Châu; Lò Văn Hưng, sinh năm 1990 trú tại thị trấn P, huyện P tỉnh Lai Châu. Trần Văn Tú, sinh năm 1991 trú tại Tổ dân phố Hữu Nghị, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu. Lò Văn Tuân, sinh năm 1993 trú tại tổ 25 phường Đông Phong, tHnh phố Lai Châu, Thổ tỉnh Lai Châu là những lái xe taxi được PhA Văn K thuê chở 17 người đến khu vực Ma Li Pho, huyện P tỉnh Lai Châu. K quả điều tra xác định Quyết, Hưng, Tuân, Tú không biết những người cần đón có nhu cầu đi đâu và làm gì chỉ biết chở đến khu vực Ma Li Pho, huyện P tỉnh Lai Châu nên không xử L là đúng quy định.

- Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSLC - P1 ngày 31/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo: PhA Văn K, Ma A S, Cừ A T về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 349 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quA điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm t, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo: PhA Văn K, đề nghị xử phạt PhA Văn K từ 9 đến 10 năm tù, phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Điều 47- Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Ma A S và Cú A T. Đề nghị xử phạt Ma A S từ 8 đến 9 năm tù; phạt Cú A T từ 7 đến 8 năm tù. Về hình phạt bổ sung đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Ma A S và Cú A T.

Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu hóa giá sung quỹ NH nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng; 01 chiếc điện thoại OPPO màu trắng, đen, kèm ốp điện thoại thu giữ của PhA Văn K; 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO 1808, màu đỏ thu giữ của Cú A T; đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại Viettel, số thuê bao 0387.752.907 thu giữ của Ma A S, trả lại cho Ma A S 01 điện thoại OPPO Reno5 màu bạc;

Đề nghị trả lại cho PhA Văn K 01 xe mô tô BKS 25B1 – 323.45, màu đen, nhãn hiệu Honda, số loại BLADE, xe qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 031021 BKS 25B1 – 323.45 mAg tên PhA Văn K; 01 giấy phép lái xe 120159002017 mAg tên PhA Văn K; 01 chứng minh thư nhân dân 045108694 mAg tên PhA Văn K; số tiền 17.000 NDT(nhân dân tệ)

Tịch thu sung quỹ NH nước số tiền 900 NDT(nhân dân tệ) và 1.000.000 đồng của PhA Văn K; số tiền 9.750.000 đồng của Cú A T; 9.750.000 đồng của Ma A S; truy thu số tiền 23.900.000 đồng ngày 16/4/2021 bị cáo K đã tiêu S hết. Trả lại cho Lương Văn K 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO I81s; trả lại cho chị Nguyễn Văn H 01 chiếc điện thoại di động OPPO A5 màu xAh , đen; trả lại cho Nguyễn Thị L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S7 edge . Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO1610 thu giữ của Hồ Thị Lương cơ qua điều tra đã tách vụ án nên không đề nghị xử L trong vụ án này.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo Ma A S và Cú A T nhất trí với nội dung truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát, tuy nhiên người bào chữa còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự với bị cáo Ma A S với L do: Ma A S đã tích cực giúp đỡ cơ qua điều tra có trách nhiệm trong việc khai B đồng phạm là Cú A T

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận Hình vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu quy K: Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của những người làm chứng và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở K luận:

Nhận thức rõ các bị cáo không có quyền tổ chức cho người khác đi nước ngoài lao động và ở lại nước ngoài nhưng vì háo lợi đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện Hình vi phạm tội, trong khoảng thời gian từ ngày 16/4/2021 đến ngày 22/4/2021, thông qua mạng xã hội và biết được nhiều người ở các tỉnh thành phố trên cả nước muốn trốn sang Trung Quốc để làm thuê, nên Phạm Văn K đã cùng các bị cáo Ma A S, Cứ A T 01 lần tổ chức 15 người trốn đi nước ngoài và 01 lần vào ngày 22/4/2021 Phạm Văn K đưa 18 người vào ngày 22/4/2021 (phạm tội chưa đạt).

Lần thứ nhất: Ngày 16/4/2021 Phạm Văn K cùng Ma A S và Cứ A T tổ chức đưa thành công 15 người trốn đi nước ngoài, thu lời bất chính 43.400.000 đồng: K gọi cho Ma A S thông B cho S biết, hôm nay có khách vượt biên sang Trung Quốc số người cụ thể sẽ thông B cho S sau. Khoảng 11 giờ cùng ngày K gọi điện thoại thông B có 15 người muốn vượt biên sang Trung Quốc, tiền công đưa 01 người sang Trung Quốc là 400 NDT, S nhất trí sau đó S gọi điện cho T thông B cho T biết để T cùng đón đưa người vượt biên theo hướng dẫn của K, đến 22 giờ cùng ngày, S và T đưa 15 người đến khu vực biên giới Việt Nam-Trung Quốc, lợi qua suối vượt biên sang Trung Quốc và bàn giao cho 02 người đàn ông dân tộc Mông (không rõ họ tên địa chỉ). Sau khi bàn giao người S và T lợi suối về Việt Nam S gọi điện thoại cho K để K T toán tiền công đưa người sang Trung Quốc và cho K số tài khoản ngân hàng Vietcombank 0551000326760 của Cứ A T, K đồng ý. K sau khi nhận được 43.400.000 đồng, K chuyển cho Ma A S 19.500.000 đồng tiền đã đưa người sang Trung Quốc. Sau đó, S và T chia nhau mỗi người 9.750.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 22/4/2021, Phạm Văn Đoa gọi Zalo cho K thông B, trưa cùng ngày có người vượt biên đi Trung Quốc và dặn K nói với người vượt biên K là người cầm đầu, K đồng ý. Sau đó Đoa nhắn tin cho số điện thoại của những nhóm người muốn vượt biên, gồm có Nguyễn Văn H, sinh năm 1986, Lương Văn K, sinh năm 1984 Hồ Thị Lương, sinh năm 1996. Gặp Nguyễn Văn H tại nhà nghỉ Bích Lợi K đã thu tiền công đưa sang Trung Quốc của H 900 NDT. Sau đó, K gọi điện cho Quyết là lái xe taxi bảo Quyết đi đến bến xe Lai Châu đón 17 người (nhóm của K và Lương) và dặn Quyết thu của mỗi người

300.000 đồng tiền xe, Quyết thoả thuận với K đi 04 xe để chở 17 người mỗi xe là 1.000.000 đồng, thừa tiền sẽ trả lại cho K, K đồng ý. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Quyết gọi điện B với K đã đón được 17 người, K bảo Quyết chở người đến ngã ba Mường So, Quyết đồng ý. K gọi điện cho tốp 05 người vượt biên thông B chuẩn bị mỗi người 900 NDT để đưa cho K, tốp 05 người này đồng ý. Sau đó, K gọi điện cho A Vàng số điện thoại 0388.102.195 Vàng Văn DoA cho số điện thoại từ trước để thông B cho A Vàng biết chuẩn bị đón người vượt biên ở Tả Phìn, A Vàng đồng ý. Đến 20 giờ cùng ngày, 04 lái xe taxi đến ngã ba Mường So gặp K, Quyết đưa cho K 1.000.000 đồng tiền thu của 17 người còn thừa, lúc này K bị lực lượng Công An phát hiện đưa K cùng tất cả những người liên quA về trụ sở Công An huyện P để làm việc.

Như vậy PhA Văn K đã 02 lần tổ chức cho 33 người trốn đi nước ngoài; Ma A S và Cứ A T chịu trách nhiệm trong 01 lần cùng PhA Văn K đưa tHnh công 15 người trốn đi nước ngoài vào ngày 16/4/2021 thu lời bất chính tổng số tiền 43.400.000 đồng(bị cáo S và T mỗi người được 9.750.000 đồng)

Hnh vi nêu trên của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến hoạt động quản L xuất cảnh, nhập cảnh của Cơ quA có thẩm quyền nước CHXHCN Việt Nam, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị A trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Vụ án xảy ra ở địa bàn biên giới, phức tạp về tình hình tôn giáo, dân tộc, các bị cáo ý thức được Hnh vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi nên đã thúc đẩy các bị cáo cố ý thực hiện Hnh vi phạm tội.

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm với hình thức giản đơn. Bị cáo PhA Văn K là người giữ vai trò chính, chủ mưu trong việc trực tiếp thoả thuận giá tiền công đưa, đón người sAg Trung Quốc, lôi kéo, sắp xếp, bố trí thời giA, địa điểm, đường đi cùng các đối tượng khác tham gia thực hiện Hnh vi đưa 33 người sAg Trung Quốc làm thuê mà không được sự chấp thuận cho phép của cơ quA có thẩm quyền Việt Nam với mục đích vụ lợi (*nhận tiền công khi đưa người tHnh công sAg Trung Quốc*)

Bị cáo Ma A S, Cứ A T phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện ở việc là người trực tiếp liên hệ với người đi làm thuê để thống nhất thời giA địa điểm đưa, đón và trực tiếp dẫn 15 người sAg Trung Quốc tHnh công do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò là những người thực Hnh tích cực.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều tHnh khẩn khai B, ăn năn hối cải về Hnh vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều tự nguyện nộp lại số tiền do phạm tội mà có là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo PhA Văn K tự thú Hnh vi phạm tội ngày 16/4/2021, tích cực giúp đỡ hợp tác với cơ quA điều tra để điều tra khám phá ra một số vụ án nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà người bào chữa đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ma A S với L do Ma A S khai ra đồng phạm là Cú A T tuy nhiên căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên toà thì việc khai ra các đồng phạm là do bị cáo PhA Văn K tự thú ra Hnh vi phạm tội ngày 16/4/2021 giúp cơ quA điều tra nên Hội đồng xét xử không chấp thuận đề nghị của người bào chữa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo PhA Văn K phạm tội 02 lần trở lên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 – Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của Hnh vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với vai trò trách nhiệm từng bị cáo để giáo dục, răn đe cũng như phòng ngừa chung đối với toàn xã hội

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy các bị cáo T và S hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung, đối với bị cáo PhA Văn K là người khởi xướng liên quA đến việc xử L vật chứng trả lại số tiền bị cáo bị thu giữ mà cơ quA điều tra không đủ chứng cứ chứng minh Hnh vi phạm tội nên Hội đồng xét xử thấy phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quA điều tra đã thu giữ, tạm giữ:

Vật chứng thu giữ của PhA Văn K: 01 xe mô tô BKS 25B1 – 323.45, màu đen, nhãn hiệu Honda, số loại BLADE, xe qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 031021 BKS 25B1 – 323.45 mAg tên PhA Văn K; 01 giấy phép lái xe 120159002017 mAg tên PhA Văn K; 01 chứng minh thư nhân dân 045108694 mAg tên PhA Văn K K quả điều tra và tại phiên toà xác định xe là tài sản chung của vợ chồng bị cáo bị cáo K có sử dụng vào việc đi lại khi thực hiện Hnh vi phạm tội vợ bị cáo không biết. Do đó, cần trả lại chiếc xe trên cho bị cáo và các giấy tờ tùy thân là phù hợp;

Số tiền 17.900 NDT(nhân dân tệ) và 1.000.000 đồng trong đó 1.000.000 đồng và 900 NDT(nhân dân tệ) là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ NH nước; trả lại cho bị cáo 17.000 NDT(nhân dân tệ)

Cần phải truy thu số tiền 23.900.000 đồng là tiền hưởng lợi ngày 16/4/2021 bị cáo khai đã tiêu S hết; Thu giữ của PhA Văn K 02 điện thoại, kèm thẻ sim xét thấy đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hoá giá sung quỹ NH nước;

Về vật chứng thu giữ của Ma A S: 01 chiếc điện thoại di động OPPO Reno 5 màu bạc; 01 sim điện thoại Viettel. Tại phiên toà hôm nay bị cáo khai sim điện thoại là sim bị cáo đã dùng để liên lạc vào việc phạm tội, điện thoại OPPO Reno 5 màu bạc bị cáo mua sau bị cáo có nguyện vọng xin lại, xét thấy nguyện vọng của bị

cáo là chính đáng và phù hợp nên chỉ tịch thu tiêu huỷ sim, trả lại điện thoại cho bị cáo; tịch thu số tiền 9.750.000 đồng mà bị cáo tự nguyện nộp lại vì đây là tiền do phạm tội mà có

Về vật chứng thu giữ của Cú A T 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO 1610 màu hồng, số tiền 9.750.000 đồng đây là tiền do phạm tội mà có và phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ NH nước

Thu giữ của Lương Văn K 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO 181s của Nguyễn Văn H 01 chiếc điện thoại di động OPPO A5 màu xAh , đen; của Nguyễn Thị L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S7 edge. đây là phương tiện liên lạc cá nhân nên cần trả lại là phù hợp.

[6] Về án phí: Các bị cáo là dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 349, điểm t, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 Điều 38, Điều 47, Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo: PhA Văn K

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Điều 38 Điều 47- Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo Ma A S, Cú A T

1. Tuyên bố các bị cáo PhA Văn K , Ma A S, Cú A T phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài ".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo: PhA Văn K **08** (tám) năm **06** tháng tù. Thời hạn thi Hnh hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2021.

- Xử phạt bị cáo: Ma A S **07** (bảy) năm **06** tháng tù. Thời hạn thi Hnh hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2021.

Xử phạt bị cáo: Cú A T **07** (bảy) năm tù. Thời hạn thi Hnh hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2021.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung PhA Văn K 20.000.000 đồng sung quỹ NH nước; Miễn hình phạt bổ sung đối với Ma A S và Cú A T.

4. Về vật chứng của vụ án:

Tuyên tịch thu 03 điện thoại hoá giá sung quỹ NH nước gồm: một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6s màu vàng, một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, đen kèm theo ốp điện thoại thu của PhA Văn K; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO 1808, màu đỏ Thu của Cú A T; Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 sim Viettel, số thuê bao 0387.752.907 thu của Ma A S;

Tuyên tịch thu sung quỹ NH nước số tiền 1.000.000 đồng và 900 NDT(nhân dân tệ) thu giữ của PhA Văn K; tịch thu số tiền 9.750.000 đồng thu của Cú A T; 9.750.000 đồng thu giữ của Ma A S.

Tuyên truy thu đối với PhA Văn K số tiền 23.900.000 đồng.

Tuyên trả lại cho bị cáo PhA Văn K một xe mô tô BKS 25B1 -423.45, màu đen, nhãn hiệu Honda, số loại BLADE, xe qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 031021 BKS 25B1 – 323.45 mAg tên PhA Văn K; 01 giấy phép lái xe 120159002017 mAg tên PhA Văn K; 01 chứng minh thư nhân dân 045108694 mAg tên PhA Văn K;

Trả lại cho PhA Văn K số tiền 17.000 NDT(nhân dân tệ)

Trả lại 01 điện thoại di động OPPO Reno 5 màu bạc; một sim điện thoại viettel thu của Ma A S.

Tuyên trả lại Lương Văn K 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO I81s; trả lại cho Nguyễn Văn H 01 chiếc điện thoại di động OPPO A5 màu xAh , đen; Trả lại cho Nguyễn Thị L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S7 edge. *(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 12/01/2022 giữa Công A tỉnh Lai Châu và Cục Thi Hình án dân sự tỉnh Lai Châu).*

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ